

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/DS-ST
Ngày 17 – 6 – 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bành Mỹ Tuyên.
2. Bà Nguyễn Thị Bích Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thử Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL; địa chỉ trụ sở chính: Số 40-42-44 P, Vĩnh Thanh V, Rạch G, tỉnh K; người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A. Chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Minh Ch, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL, chi nhánh Bạc Liêu (văn bản ủy quyền số 1369/UQ-NHKL ngày 18/8/2020; người được ông Hà Minh Ch ủy quyền lại: Anh Đinh Quốc Th; chức vụ: Quyền trưởng Phòng khách hàng cá nhân kiêm quyền trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP KL chi nhánh Bạc Liêu (văn bản ủy quyền số 2057/UQ-CNBL ngày 28/9/2020).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1976 và bà Huỳnh Thị Nh, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 44, Phan Đình G, khóm T, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H, năm 1963, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955, anh

Nguyễn Chí M, sinh năm 1990; cùng trú tại: Ấp T, xã M, huyện N, tỉnh S.

- Ông Nguyễn Tấn P, năm 1988, địa chỉ: Đường H, phường B, thị xã N, tỉnh S.

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1982; nơi cư trú cuối cùng: Ấp T, xã M, huyện N, tỉnh S.

- Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp Tr, xã T, quận Ô, thành phố C.

(Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL là anh Th, bà Huỳnh Thị Nh, ông Trần Văn B, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Chí M, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Ng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL (sau gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL và ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Nh đã ký kết hợp đồng tín dụng số HD 10.030/HĐTD ngày 28/02/2013 vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 16 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất trong hạn 1,55%/tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh 06 tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn, lãi được trả hàng tháng và vốn trả cuối kỳ.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số HD 10.030/HĐTD ngày 28/02/2013, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL hợp đồng thế chấp số HD 10.030/HĐTC ngày 28/2/2013 thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 15 tờ bản đồ 8, đã được Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 623288 ngày 24/9/1993 cho hộ ông Nguyễn Văn H, tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 7.240m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện N, tỉnh S.

Kể từ ngày vay đến nay ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Nh đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán giao kết trong hợp đồng tín dụng, đã hết thời hạn vay theo thỏa thuận đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B, bà Nh thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.375.197.045 đồng, trong đó gốc là 400.000.000 đồng, lãi trong hạn 78.261.111 đồng, lãi quá hạn 693.620.000 đồng, phạt chậm trả lãi 203.315.934 đồng và yêu cầu ông B, bà Nh phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong

khoản nợ gốc.

Trường hợp ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Nh không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án bán đấu giá toàn bộ tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

** Theo bị đơn ông Trần Văn B trình bày:* Ông thống nhất các ý kiến trình bày của Ngân hàng, thống nhất đã ký kết hợp đồng tín dụng số HD 10.030/HĐTD ngày 28/02/2013 vay số tiền 400.000.000 đồng, thống nhất ý kiến của Ngân hàng về thời gian vay, mục đích vay, số tiền nợ đã thanh toán đồng ý trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản ông Trần Văn B thống nhất theo ý kiến trình bày của Ngân hàng và trong trường hợp ông không thanh toán nợ thì ông đồng ý để Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án bán đấu giá toàn bộ tài sản thế chấp.

** Theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Chí M cùng thống nhất trình bày:* Bà T thống nhất đã ký kết hợp đồng thế chấp số HD 10.030/HĐTC ngày 28/02/2013 để đảm bảo cho ông B và bà Nh vay số tiền 400.000.000 đồng. Nguồn gốc đất thế chấp thuộc thửa đất số 15 tờ bản đồ 8, đã được Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 623288 ngày 24/9/1993 cho hộ ông Nguyễn Văn H, quyền sử dụng đất trên của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Tráng năm 1990, tài sản trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho “Hộ ông Nguyễn Văn H” là tài sản chung của hộ gia đình ông H, đồng thời là tài sản duy nhất hiện nay của ông H và Bà T đang canh tác, tạo thu nhập, ông H và Bà T tuổi đã cao không còn nguồn thu nhập nào khác nên Bà T và ông M không đồng ý yêu cầu khởi kiện phát mãi tài sản thế chấp của Ngân hàng.

** Theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng trình bày:* Bà Ng thống nhất ý kiến của bà Nguyễn Thị T và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà Huỳnh Thị Nh, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp, phiên hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến được.

Ngày 17/6/2021, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần phạt chậm trả lãi là 203.315.934 đồng

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Về việc giải quyết vụ án: Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL và ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Nh có ký kết hợp đồng tín dụng số HD 10.030/HĐTD ngày 28/02/2013. Quá trình thực hiện hợp đồng ông B, bà Nh đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông B, bà Nh trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là có căn cứ. Để bảo đảm cho khoản vay này ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số HD 10.030/HĐTC ngày 28/02/2013. Nội dung, hình thức hợp đồng thế chấp phù hợp, giao dịch được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở.

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Nh thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Trường hợp ông B, bà Nh không thanh toán được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá các tài sản thế chấp để thi hành án. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL đối với số tiền phạt chậm trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1]Về tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đây là tranh chấp dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Đồng bị đơn ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Nh có nơi cư trú tại khóm T, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Các đương sự đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có đơn xin vắng mặt, bà Huỳnh Thị Nh, ông Trần Văn B, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Chí M, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Ng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng nên căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Quá trình Tòa án thụ lý vụ án ông Trần Văn B thừa nhận nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL nên theo quy định tại khoản 1 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 157;

Điều 429; điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung vụ án:

Các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Nh đã ký kết hợp đồng tín dụng số HD 10.030/HĐTD ngày 28/02/2013 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL chi nhánh Bạc Liêu để vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 13 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất trong hạn 1,55%/tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn, lãi được trả hàng tháng và vốn trả cuối kỳ. Quá trình thực hiện hợp đồng ông B, bà Nh đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B, bà Nh thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu ông B, bà Nh trả số nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, thấy rằng hợp đồng tín dụng số HD 10.030/HĐTD ngày 28/02/2013 có thể hiện đầy đủ số tiền vay, mục đích vay, thời hạn vay tiền, thời điểm trả nợ, phương thức trả nợ và các điều khoản khác được các bên thỏa thuận. Hợp đồng được các bên tự nguyện ký kết, hình thức, nội dung thỏa thuận của các bên là phù hợp, không trái quy định pháp luật nhưng khách hàng vay đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện đúng thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng; phía bị đơn là ông Trần Văn B cũng thừa nhận các khoản vay theo hợp đồng tín dụng và thừa nhận các ý kiến của Ngân hàng trình bày là đúng nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL đối với ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Nh, buộc ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Nh thanh toán cho ngân hàng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.171.881.111 đồng, trong đó gốc là 400.000.000 đồng, lãi trong hạn 78.261.111 đồng, lãi quá hạn 693.620.000 đồng và lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc tính từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết nợ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng

Quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả lãi là 203.315.934 đồng, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ xét xử sơ thẩm đối yêu cầu này.

Đối với hợp đồng thế chấp tài sản, để đảm bảo cho khoản vay trên ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HD 10.030/HĐTC ngày 28/2/2013, thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 15 tờ bản đồ 8, đã được Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 623288 ngày 24/9/1993 cho hộ ông Nguyễn Văn H, tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 7.240m², mục đích

sử dụng đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện N, tỉnh S, tài sản trên do ông H và Bà T quản lý, sử dụng để trồng lúa và không có cây trồng, vật kiến trúc nào khác.

Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Nh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp và các tài sản gắn liền với tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

Xét thấy, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Chí M không đồng ý yêu cầu phát mãi tài sản của Ngân hàng, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Tấn P quá trình Tòa án thụ lý vụ án nhiều lần triệu tập các đương sự nói trên đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp, phiên hòa giải nhưng các đương sự vắng mặt; Bà T và ông M đã được Tòa án thông báo để thực hiện quyền lợi của mình nhưng không có đơn yêu cầu cho thấy các đương sự tự từ bỏ quyền của mình.

Đồng thời căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H thể hiện nguồn gốc đất “*sang của ông Nguyễn Văn Trắng*”. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 các con ông H là bà Ngân, bà Sương, ông Phong, ông M đều chưa tròn 15 tuổi, như vậy cho thấy nguồn gốc đất là của ông H và Bà T. Về việc đóng góp xây dựng gìn giữ tài sản cho hộ gia đình căn cứ theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đất thế chấp, biên bản ghi lời khai Bà T, ông M, bà Ngân cho thấy đất sử dụng trồng lúa và người trực tiếp canh tác từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay là ông H và Bà T còn bà Ngân, bà Sương, ông Phong, ông M đã sinh sống, làm việc tại nơi khác khi thành niên nên có căn cứ xác định tuy tài sản cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H nhưng là tài sản của vợ chồng ông H và Bà T. Tại hợp đồng thế chấp ông H và Bà T đã tự nguyện ký tên, nội dung và hình thức của hợp đồng thế chấp là phù hợp với quy định pháp luật, tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp theo quy định.

Từ những nội dung trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, xác định hợp đồng thế chấp là hợp pháp, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Chí M, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Ng có nghĩa vụ giao lại tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm.

Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa.

[3] Về chi phí tố tụng là 300.000 đồng, ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Nh phải chịu toàn bộ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL đã dự nộp 300.000 đồng, ông B, bà Nh có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL 300.000 đồng.

[4] Về án phí:

Ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Nh có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL số tiền 1.171.881.111 đồng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật là 47.156.400 đồng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL đã nộp 25.344.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0007171 ngày 19/10/2020, Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 325; Điều 463; 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm b khoản 1 Điều 157; Điều 429; điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL đối với ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Nh

Buộc ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Nh trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 1.171.881.111 đồng (*Một tỷ một trăm bảy mươi một triệu tám trăm tám mươi một nghìn một trăm mười một đồng*), trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng, lãi trong hạn 78.261.111 đồng, lãi quá hạn 693.620.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Nh không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thi hành án là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 15 tờ bản đồ 8, đã được Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 623288 ngày 24/9/1993 cho hộ ông Nguyễn Văn H, tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 7.240m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện N, tỉnh S, tài sản trên do ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T đang quản lý, sử dụng.

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Chí M, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Ng có nghĩa vụ giao lại tài sản thế chấp nói trên khi Cơ quan thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL đối với số tiền phạm chậm trả lãi 203.315.934 đồng (*Hai trăm lẻ ba triệu ba trăm mười lăm nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng*).

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Nh hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

5. Về án phí:

Buộc ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Nh phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật là 47.156.400 đồng (*Bốn Mươi bảy triệu một trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm đồng*).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL đã nộp 25.344.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0007171 ngày 19/10/2020, Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
-CCTHADS Tp. Bạc Liêu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

-Đương sự;
-Lưu HS.

(đã ký)

Lâm Thị Tuyết Anh